

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu:
Sửa chữa lớn xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 82B-0799
của Sở Khoa học và Công nghệ**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ – CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định 18/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phân cấp thẩm định, phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Xét Công văn số 62/SKHCN-KHTC ngày 24/01/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thẩm định, phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đề nghị của phòng Quản lý Giá và Công sản tại Báo cáo thẩm định ngày 29 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán gói thầu Sửa chữa lớn xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 82B-0799 của Sở Khoa học và Công nghệ với các nội dung sau:

- 1. Chủ đầu tư:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum.
- 2. Mục tiêu thực hiện:** Đảm bảo an toàn kỹ thuật khi xe lưu thông, phục vụ công tác.
- 3. Tổng dự toán:** 199.839.086 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).
- 4. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2019.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Sửa chữa lớn xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 82B-0799 của Sở Khoa học và Công nghệ với các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Sửa chữa lớn xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi biển kiểm soát 82B-0799 của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Giá gói thầu: 199.839.086 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng). *(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2019.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2019.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa 60 ngày (kể từ ngày ký hợp đồng).

Điều 3. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum *(Chủ đầu tư)*.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu phải tuân thủ theo Luật Đấu thầu, các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Việc tổ chức đấu thầu theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 494/CT – TTg ngày 20/04/2010, số 13/CT-TTg ngày 4/4/2017; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3081/BKH-QLĐT ngày 11/5/2010 và Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Văn bản số 756/UBND – KTN ngày 26/4/2010, số 1694/UBND-KTTH ngày 05/8/2015, số 421/UBND-KTTH ngày 03/3/2016, số 1258/UBND-HTKT ngày 15/5/2017.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý Giá và Công sản, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Lưu: VT- QLGCS.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Thanh Xuân

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN SỬA CHỮA LỚN XE Ô TÔ NHÃN HIỆU MITSUBISHI BIỂN KIỂM
SOÁT 82B-0799 CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-STC, ngày 29 tháng 01 năm 2019
của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I. ĐỘNG CƠ:					
1	Nhớt máy	Lít	6	160.000	960.000
2	Lọc nhớt	Cái	1	238.182	238.182
3	Dây curoa cam	Sợi	1	2.124.000	2.124.000
4	Tăng cam	Bộ	1	1.227.500	1.227.500
5	Curoa máy phát	Sợi	1	1.140.000	1.140.000
6	Curoa điều hòa	Sợi	1	276.000	276.000
7	Curoa trợ lực lái	Sợi	1	296.400	296.400
8	Bi căng dây curoa bơm nước	Ỗ	2	1.461.600	2.923.200
9	Puly độ dây điều hòa	Cái	1	1.887.600	1.887.600
10	Dây cao áp bugi	Bộ	1	2.835.600	2.835.600
11	Bugì	Cái	6	93.600	561.600
12	Con đội suppap	Cái	12	456.000	5.472.000
13	Lọc nhiên liệu tinh	Cái	1	1.614.000	1.614.000
14	Lọc nhiên liệu thô	Cái	1	594.000	594.000
15	Lọc gió động cơ	Cái	1	882.000	882.000
16	Su treo hộp số	Cái	1	714.000	714.000
17	Cao su chân máy	Ỗ	2	1.150.727	2.301.455
18	Van hằng nhiệt	Cái	1	501.600	501.600
19	Xúc kết nước	Cái	1	450.000	450.000
20	Công đại tu máy	Xe	1	2.000.000	2.000.000
Tổng :					28.999.136
II. GÀM :					
1	Rotuyn trụ trên trước T	Cái	1	1.194.000	1.194.000
2	Rotuyn trụ trên trước P	Cái	1	1.194.000	1.194.000
3	Rotuyn trụ dưới trước T	Cái	1	1.518.909	1.518.909
4	Rotuyn trụ dưới trước P	Cái	1	1.518.909	1.518.909
5	Su trước càng A trên	Cục	2	1.451.455	2.902.909
6	Su sau càng A trên	Cục	2	933.120	1.866.240
7	Su trước càng A dưới	Cục	2	1.054.800	2.109.600
8	Su sau càng A dưới	Cục	2	474.000	948.000
9	Rotuyn lái trong trái	Cái	1	1.291.200	1.291.200
10	Rotuyn lái trong phải	Cái	1	1.291.200	1.291.200

11	Rotuyn lái ngoài trái	Cái	1	1.231.200	1.231.200
12	Rotuyn lái ngoài phải	Cái	1	1.231.200	1.231.200
13	Tay lái trung gian	Cái	1	3.510.000	3.510.000
14	Bốt tay lái phụ	Cái	1	2.670.000	2.670.000
15	Giảm xóc sau	Cái	2	2.605.200	5.210.400
16	Giảm xóc trước	Cái	2	3.060.000	6.120.000
17	Cao su cân bằng trước	Cái	2	126.000	252.000
18	Su chêm giảm chấn ty cân bằng trước	Bộ	2	439.200	878.400
19	Tuy cân bằng trước	Cây	2	1.118.182	2.236.364
20	Bi chữ thập TRƯỚC	Ô	2	1.206.000	2.412.000
21	Bi chữ thập SAU	Ô	2	3.111.600	6.223.200
22	Cao su nhíp	Cục	12	63.636	763.636
23	Bạc nhựa lót nhíp	Miếng	12	45.455	545.455
24	Vỏ máy ơ sau	Cái	2	1.222.727	2.445.455
25	Bi máy-ơ trước	Ô	4	764.400	3.057.600
26	Phốt máy-ơ trước	Cái	2	298.800	597.600
27	Bi máy-ơ sau	Ô	2	1.270.800	2.541.600
28	Phốt máy-ơ sau trong	Cái	2	147.600	295.200
29	Phốt máy-ơ sau ngoài	Cái	2	147.600	295.200
30	Quạt két nước	Cái	1	2.054.400	2.054.400
31	Ly tâm cánh quạt	Cái	1	6.979.200	6.979.200
32	Bơm trợ lực lái	Cái	1	20.500.000	20.500.000
33	Khóa ngậm cốp sau	Cái	1	1.590.000	1.590.000
34	U ngậm cốp sau	Cái	1	252.800	252.800
35	Công tháo lắp phần gầm	Xe	1	5.000.000	5.000.000
Tổng :					94.727.876

III. PHẦN HỘP SỐ

1	Lá côn	Lá	1	3.510.000	3.510.000
2	Bi Tê	Ô	1	3.048.000	3.048.000
3	Mâm ép	Mâm	1	3.826.800	3.826.800
4	Cao su chân hộp số	Cục	1	2.272.727	2.272.727
5	PHỐT HỘP SỐ PHỤ	Cái	1	213.600	213.600
6	PHỐT HỘP SỐ	Cái	1	362.400	362.400
7	PHỐT HỘP SỐ MẠNH	Cái	1	150.000	150.000
8	CUPPEN HEO CÔN TRÊN	Bộ	1	1.206.000	1.206.000
9	CUPPEN HEO CÔN DƯỚI	Bộ	1	310.800	310.800
10	Nhớt hộp số chính	Lít	5	160.000	800.000
11	Nhớt hộp số phụ	Lít	2	160.000	320.000
12	Nhớt cầu trước	Lít	5	160.000	800.000
13	Nhớt cầu sau	Lít	3,5	160.000	560.000

14	Công làm hộp số	Xe	1	3.000.000	3.000.000
Tổng :					20.380.327
IV. PHẦN PHANH:					
1	Cupen piton và chụp bụi ty lửa thẳng	Bộ	2	458.000	916.000
2	Cupen và chụp bụi heo thẳng sau	Bộ	2	369.000	738.000
3	Pitton và cuppen heo thẳng cái	Bộ	1	1.682.000	1.682.000
4	Má phanh trước	Bộ	1	3.052.000	3.052.000
5	Má phanh sau	Bộ	1	2.332.000	2.332.000
6	Dầu thẳng	Lít	1	120.000	120.000
7	Nhớt trợ lực lái	Lít	1	180.000	180.000
8	Láng đĩa thẳng trước	Cái	2	400.000	800.000
9	Láng tam bua thẳng sau	Cái	2	400.000	800.000
10	Công thay thế phần phanh	Xe	1	1.500.000	1.500.000
Tổng					12.120.000
V. ĐIỆN + ĐIỆN LẠNH					
1	Phin lọc ga	Cái	1	1.953.600	1.953.600
2	Van tiết lưu	Cái	1	2.344.320	2.344.320
3	Moto + quạt dàn nóng	Bộ	1	12.486.636	12.486.636
4	Công tháo rửa vệ sinh hệ thống điều hòa	Xe	1	2.000.000	2.000.000
5	Sạc gas điều hòa	Xe	1	1.000.000	1.000.000
6	Dầu lạnh	Xe	1	160.000	160.000
7	Đèn led cản trước	Cặp	1	2.000.000	2.000.000
8	Thay than bảo dưỡng đề	Cái	1	750.000	750.000
9	Thay than bảo dưỡng máy phát	Cái	1	750.000	750.000
10	Công thay thế phần điện	Xe	1	2.000.000	2.000.000
Tổng :I + II + III + IV + V					25.444.556
TỔNG					181.671.896
THUẾ GTGT 10% VAT:					18.167.190
TỔNG THANH TOÁN					199.839.086
Bằng chữ : Một trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng.					